

Số: 631 /BC-STP

Kiên Giang, ngày 17 tháng 3 năm 2023

**BÁO CÁO**  
**Công tác cải cách hành chính Quý I năm 2023**

Thực hiện Công văn số 331/SNV-CCHC&TCPCP ngày 10/3/2022 của Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang về việc hướng dẫn thời gian ban hành các kế hoạch và báo cáo cải cách hành chính định kỳ; Kế hoạch số 3308/KH-STP ngày 29/12/2022 của Sở Tư pháp thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023, Sở Tư pháp báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính Quý I năm 2023, như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**1. Về hoạt động chỉ đạo, điều hành:**

Công tác cải cách hành chính luôn được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Ban Giám đốc; ngay từ đầu năm, Sở Tư pháp đã ban hành các văn bản chỉ đạo về công tác cải cách hành chính, cụ thể như: Kế hoạch số 3308/KH-STP ngày 29/12/2022 của Sở Tư pháp thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch số 600/KH-STP ngày 15/3/2023 của Sở Tư pháp về thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023. Ngoài ra để phát động phong trào thi đua tại cơ quan, đơn vị liên quan đến công tác cải cách hành chính và hoàn thành các nhiệm vụ ngành Tư pháp nói chung, Sở ban hành Kế hoạch số 334/KH-STP ngày 21/02/2023 của Sở Tư pháp về phát động phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; Kế hoạch số 335/KH-STP ngày 21/02/2023 của Sở Tư pháp về tuyên truyền công tác thi đua, khen thưởng năm 2023; Kế hoạch số 558/KH-STP ngày 10/3/2023 của Sở Tư pháp về phát động phong trào thi đua chuyên đề “Đoàn kết, kỷ cương, trách nhiệm, sáng tạo, thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” năm 2023.

Đồng thời, hoạt động chỉ đạo công tác cải cách hành chính và các phong trào thi đua được thực hiện tốt theo Kế hoạch đã đề ra trong năm 2023, từng công chức, viên chức của các phòng, đơn vị thuộc Sở quán triệt thực hiện đầy đủ các nội dung công tác cải cách hành chính và tuyên truyền rộng rãi cho cá nhân, tổ chức am hiểu về thủ tục hành chính khi có nhu cầu; qua đó kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đạt hiệu quả trong công tác cải cách hành chính.

**2. Về tiến độ thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính:**

Thực hiện Kế hoạch số 3308/KH-STP ngày 29/12/2022 của Sở Tư pháp thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023, các nhiệm vụ, mục tiêu đặt ra trong Quý I/2023 đã hoàn thành theo Kế hoạch đề ra.

### 3. Về công tác kiểm tra cải cách hành chính:

Thực hiện Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 06/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang; Lãnh đạo cơ quan chỉ đạo các phòng, đơn vị thuộc Sở nghiêm túc thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kế hoạch kiểm tra và Kế hoạch số 3308/KH-STP ngày 29/12/2022 của Sở Tư pháp thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023.

### 4. Về công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính:

Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 600/KH-STP ngày 15/3/2023 về thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính năm 2023.

### 5. Tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh

Tổng số nhiệm vụ được giao: 18 văn bản, trong đó:

- Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 15 văn bản, đạt 83,4% (đúng và trước hạn: 15 văn bản; quá hạn: 00 văn bản).
- Số nhiệm vụ chưa hoàn thành: 03 văn bản, (trong hạn: 03 văn bản; quá hạn: 00 văn bản).

\* Kết quả tham mưu thực hiện Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 23/12/2022 về công tác cải cách hành chính; Kế hoạch số 258/KH-UBND ngày 14/12/2022 của UBND tỉnh về việc kiểm tra, xử lý và rà soát văn bản QPPL năm 2023; Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 27/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023; Quyết định 3267/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 về việc công bố văn bản QPPL của UBND tỉnh hết hiệu lực năm 2022.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

### 1. Cải cách thể chế

Thực hiện công tác chuyên môn về xây dựng và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp đã phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra 01 đề nghị xây dựng Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; thẩm định 03 dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, đạt 100% dự thảo do các sở, ngành gửi đến, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, chất lượng; góp ý 11 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, gồm: 02 Luật, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 03 Thông tư, 01 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và 04 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Bên cạnh đó, Sở cũng tham gia góp ý nhiều đề án, kế hoạch, quy chế... của các sở, ban, ngành trong tỉnh gửi đến.

Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tự kiểm tra 100% văn bản quy phạm pháp luật (07 Quyết định<sup>1</sup>) do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Kết quả kiểm tra văn bản

<sup>1</sup> Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 17/01/2023; Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 18/01/2023; Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 18/01/2023; Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 18/01/2023; Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 03/02/2023; Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 10/02/2023; Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 03/3/2023

được ban hành đúng thẩm quyền và trình tự theo quy định của pháp luật, nội dung văn bản không phát hiện có sai sót.

**- Về công tác ban hành và tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật:**

+ Đối với Sở: Số văn bản QPPL đã ban hành/tham mưu ban hành: 0

+ Đối với tỉnh: Số văn bản QPPL của tỉnh đã ban hành/tham mưu ban hành: 21 văn bản, gồm 14 Nghị quyết, 07 Quyết định, cụ thể như sau:

Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND ngày 29/12/2022; Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND ngày 29/12/2022; Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 29/12/2022; Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 29/12/2022; Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND ngày 29/12/2022; Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 29/12/2022; Nghị quyết số 38/2023/NQ-HĐND ngày 29/12/2022; Nghị quyết số 39/2023/NQ-HĐND ngày 29/12/2022; Nghị quyết số 40/2023/NQ-HĐND ngày 29/12/2022; Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 29/12/2022; Nghị quyết số 42/2023/NQ-HĐND ngày 29/12/2022; Nghị quyết số 43/2023/NQ-HĐND ngày 29/12/2022; Nghị quyết số 44/2023/NQ-HĐND ngày 29/12/2022; Nghị quyết số 45/2023/NQ-HĐND ngày 29/12/2022.

Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 17/01/2023; Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 18/01/2023; Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 18/01/2023; Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 18/01/2023; Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 03/02/2023; Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 10/02/2023; Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 03/3/2023.

**- Về công tác kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:**

+ Về công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật: 00

+ Về công tác rà soát, kiến nghị, xử lý và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:

Tình hình triển khai rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát được thực hiện thường xuyên. Kết quả trong quý I/2023, Sở đã rà soát, kiến nghị và xử lý kiến nghị xong: 13 văn bản, gồm 08 Nghị quyết và 05 Quyết định, cụ thể như sau:

Nghị quyết số 73/2009/NQ-HĐND ngày 10/7/2009; Nghị quyết số 62/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012; Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 10/7/2013; Nghị quyết số 103/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017; Nghị quyết số 123/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018; Nghị quyết số 228/2019/NQ-HĐND ngày 26/7/2019; Nghị quyết số 291/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020; Nghị quyết số 320/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020.

Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 24/10/2014; Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016; Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày

22/6/2018; Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 22/6/2018; Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020.

**- Về công tác theo dõi, thi hành pháp luật:**

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 27/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023, đảm bảo theo đúng thời hạn quy định; Công văn số 129/UBND-NC ngày 06/02/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện các nội dung kiến nghị tại báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022 của Bộ Tư pháp; Công văn số 228/UBND-NC ngày 21/02/2023 về thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm liên ngành năm 2023.

Tham mưu Lãnh đạo Sở Tư pháp ban hành Kế hoạch số 256/KH-STP ngày 13/02/2023 thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023, đảm bảo theo đúng thời hạn quy định; Công văn số 189/STP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 02/02/2023 về triển khai công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023.

**- Về công tác thông tin, tuyên truyền:**

Thực hiện lồng ghép việc tuyên truyền cải cách hành chính với việc tuyên truyền, phổ biến về cải cách hành chính, các văn bản pháp luật của Trung ương và địa phương liên quan mật thiết đến đời sống sinh hoạt hàng ngày của Lãnh đạo, công chức, viên chức và tổ chức, cá nhân. Tuyên truyền kịp thời, thường xuyên, phù hợp với đặc điểm và nhiệm vụ của ngành Tư pháp.

Trong Quý I/2023, Sở Tư pháp ban hành Kế hoạch số 600/KH-STP ngày 15/3/2023 thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch số 161/KH-STP ngày 01/02/2022 về xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền và nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 34/KH-STP ngày 05/01/2023 về tuyên truyền, phổ biến pháp luật thường xuyên trên Báo Kiên Giang năm 2023; Kế hoạch số 35/KH-STP ngày 05/01/2023 về tuyên truyền, phổ biến pháp luật thường xuyên trên Đài Truyền hình Kiên Giang năm 2023...

**2. Cải cách thủ tục hành chính**

**- Về rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính:**

Việc rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính của Sở Tư pháp luôn được Lãnh đạo Sở chỉ đạo thường xuyên, kịp thời và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh tham mưu Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

- Số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp: Tổng số 111 thủ tục, 15 lĩnh vực; trong quý I/2023 không có thủ tục công bố mới, bãi bỏ hoặc thay thế.

- Kết quả thực hiện tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh:

Trong quý I/2023: Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 4.781 hồ sơ (*Tiếp nhận: Trực tuyến 69 hồ sơ; trực tiếp và bưu chính 4.152 hồ sơ*). Tổng số hồ sơ đã giải quyết: 4.016 hồ sơ, trong đó giải quyết trước và đúng hạn: 3.978 hồ sơ, (đạt 99,05%), giải quyết quá hạn: 38 hồ sơ (đạt 0,95%); số hồ sơ đang giải quyết: 765 hồ sơ, trong đó hồ sơ trong hạn: 741 hồ sơ, hồ sơ quá hạn: 24 hồ sơ. Các trường hợp trễ hạn là các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Lý lịch tư pháp (do phối hợp xóa án tích, kết quả xác minh hồ sơ trễ hạn so với thời gian quy định).

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy**

- Công tác kiện toàn bộ máy, củng cố tổ chức cán bộ được chú trọng thực hiện. Sở Tư pháp đã rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Sở so với các quy định thực tế, ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng, đơn vị thuộc Sở. Hiện nay, Sở Tư pháp có 06 phòng và 02 đơn vị sự nghiệp, việc phân công nhiệm vụ của các phòng, đơn vị thuộc Sở phù hợp với cải cách tổ chức bộ máy được giao, hoạt động đạt hiệu quả, không có sự chồng chéo.

- Về thực hiện quy chế làm việc: Sở Tư pháp và 02 đơn vị sự nghiệp đều xây dựng quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ theo quy chế. Thực hiện phân cấp quản lý về tổ chức và biên chế cho các đơn vị sự nghiệp đúng quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh giao, phù hợp quy định pháp luật.

### **4. Cải cách chế độ công vụ**

- Sở Tư pháp quan tâm, chỉ đạo thực hiện tốt các quy định về quản lý công chức, viên chức theo quy định hiện hành, thường xuyên rà soát, tổng hợp và ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức quản lý nhà nước. Hiện nay, tổng số biên chế, lao động được giao 67 biên chế, trong đó biên chế hành chính 39<sup>2</sup>, sự nghiệp 28; tuy nhiên hiện tại số biên chế, lao động hiện có 59 biên chế (*biên chế hành chính 37, sự nghiệp 22*), ngoài ra có 03 hợp đồng lao động theo Nghị định 68. Nhìn chung, trình độ chuyên môn của công chức, viên chức đúng quy định, cơ bản vững vàng về chính trị, đảm bảo yêu cầu về chuyên môn, đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

- Việc tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, nâng lương, khen thưởng và các chế độ chính sách khác đối với công chức, viên chức được thực hiện đúng quy trình, đầy đủ, kịp thời. Trong quý I, đã điều động, bổ nhiệm 01 lãnh đạo cấp phòng, luân chuyển nhiệm vụ 02 công chức thuộc phòng.

- Về công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, Sở Tư pháp ban hành Công văn số 2304/STP-VP ngày 29/9/2022 của Sở Tư pháp về việc xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch đào tạo sau đại học cho công

<sup>2</sup> Quyết định số 07/QĐ-STP ngày 04/01/2023 của Sở Tư pháp về phân bổ biên chế hành chính năm 2023 và hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP.

chức, viên chức năm 2023. Trong quý I, Sở Tư pháp đã đăng ký công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý nhà nước...

### **5. Cải cách tài chính công**

Sở Tư pháp có 02 đơn vị sự nghiệp thực hiện theo Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác. Các đơn vị đã ban hành và thực hiện nghiêm Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công. Trong quá trình triển khai thực hiện, các mặt công tác chuyên môn đạt kết quả tốt, tiết kiệm được kinh phí, để chi thu nhập tăng thêm cho công chức, viên chức cơ quan. Thực hiện Báo cáo công tác tài chính, Báo cáo thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí kịp thời và đúng quy định.

Báo cáo công tác tài chính quý I năm 2023: Sở Tư pháp ban hành Báo cáo số 544/BC-STP ngày 09/3/2023 của Sở Tư pháp về báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ Quý I năm 2023; Báo cáo số 136/BC-STP ngày 27/01/2023 của Sở Tư pháp về báo cáo kết quả tự kiểm tra hoạt động tài chính, kế toán năm 2022.

### **6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

Trên cơ sở Kế hoạch số 274/KH-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Sở Tư pháp ban hành Kế hoạch số 552/KH-STP ngày 09/3/2023 về thực hiện Chuyển đổi số năm 2023; Quyết định số 28/QĐ-STP ngày 23/02/2023 của Giám đốc Sở Tư pháp về việc thành lập Tổ Chuyển đổi số; Kế hoạch số 158/KH-STP ngày 31/01/2023 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở năm 2023. Qua đó, đẩy mạnh khai thác sử dụng Hệ thống văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử công vụ; triển khai sử dụng chữ ký số chuyên dùng tại Sở Tư pháp và các đơn vị trực thuộc Sở, tăng cường trao đổi văn bản dưới dạng điện tử (*trừ văn bản mật*).

Tiếp tục duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp. Ban hành Kế hoạch số 496/KH-STP ngày 3/3/2023 của Sở Tư pháp về duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Sở Tư pháp năm 2023 và các quyết định và thông báo về việc công bố lại HTQLCL theo TCVN 9001:2015...

Tiếp tục đẩy mạnh, triển khai cung cấp các dịch vụ công trực tuyến toàn trình đáp ứng nhu cầu thực tế phục vụ người dân và doanh nghiệp; Tổng số thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến mức độ 3 là 37 thủ tục; Tổng số thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến mức độ 4 là 27 thủ tục (toàn trình).

- Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp có nhiều trang thông tin thành phần với nhiều thông tin đa dạng, đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân và doanh

nghiệp: công tác chỉ đạo, điều hành; công tác cải cách hành chính; công tác phổ biến pháp luật; công tác trợ giúp pháp lý...

- Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc: Duy trì và thực hiện tốt việc chuyển và nhận văn bản điện tử thay thế văn bản giấy đã giúp cho việc lưu trữ, tra cứu, gửi và nhận văn bản trong nội bộ Sở với UBND tỉnh và các cơ quan khác trong tỉnh nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả và tiết kiệm kinh phí cho cơ quan.

- Lãnh đạo, công chức, viên chức tại cơ quan thực hiện việc trao đổi thông tin văn bản qua thư mail công vụ (*mail.kiengiang.gov.vn*) hay mạng nội bộ cơ quan.

- Sở Tư pháp và các đơn vị thuộc Sở đã sử dụng chứng thư số trong xử lý công việc chuyên môn.

- Sử dụng phần mềm: Phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, phần mềm Công chứng, chứng thực của Sở Tư pháp, phần mềm Kế toán phục vụ trong giải quyết công việc nhà nước và các phần mềm do Bộ Tư pháp cung cấp.

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

**1. Ưu điểm:** Nhìn chung, công tác cải cách hành chính Quý I/2023 của Sở Tư pháp đã được toàn thể công chức, viên chức chủ động thực hiện theo đúng Kế hoạch đề ra. Các thủ tục hành chính được duy trì nghiêm yết theo đúng quy định; công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật và thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp được thực hiện nghiêm túc đúng quy định; công tác tài chính công được công khai, minh bạch; việc sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công việc ngày càng hiệu quả.

**2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:** Trong quý I/2023 việc giải quyết quá hạn vẫn còn: tổng số hồ sơ quá hạn 38/4.016 hồ sơ (chiếm 0,95%).

Nguyên nhân: Do các trường hợp trễ hạn là các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Lý lịch tư pháp (do phối hợp xóa án tích, kết quả xác minh hồ sơ trễ hạn so với thời gian quy định).

### IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM QUÝ II NĂM 2023

1. Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền phổ biến kịp thời đến công chức, viên chức về các văn bản của Trung ương và địa phương có liên quan đến cải cách hành chính; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; tăng cường giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; đẩy mạnh triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính của Sở Tư pháp và của Ban Chỉ đạo tỉnh.

2. Công tác kiểm tra, rà soát văn bản được tiến hành thường xuyên, kịp thời, đúng quy định; kết hợp giữa việc kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền với

việc tự kiểm tra, rà soát của cơ quan ban hành văn bản nhằm bảo đảm sự phối hợp giữa các cơ quan có liên quan. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tự kiểm tra các quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật cấp huyện gửi đến; kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành có dấu hiệu trái pháp luật (nếu có); theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả kiểm tra báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thực hiện công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu đúng thời gian quy định. Thường xuyên rà soát để phát hiện văn bản không còn phù hợp với quy định mới của Trung ương và tình hình thực tế tại địa phương để kịp thời xử lý hoặc tham mưu xử lý.

4. Thực hiện Kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023. Xử lý văn bản trái pháp luật khi nhận được kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do cấp huyện ban hành theo đúng quy định của pháp luật. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm liên ngành và điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm liên ngành năm 2023.

5. Tiếp nhận và xử lý kịp thời các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp.

6. Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

7. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất liên quan đến công tác cải cách hành chính trên phần mềm cải cách hành chính tỉnh. Tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính; kiểm soát thủ tục hành chính tại các phòng, đơn vị thuộc Sở.

8. Tăng cường triển khai có hiệu quả Công thông tin điện tử của Sở Tư pháp. Nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp và tiếp nhận dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 (toàn trình) theo các danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, nhất là 25 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06 của Thủ tướng; Tuyên truyền khuyến khích người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến; Tăng cường giải pháp nhằm hạn chế, giảm hồ sơ trả quá hạn.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính Quý I năm 2023 của Sở Tư pháp. *Trần Văn Khải*

**Nơi nhận:**

- Sở Nội Vụ;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT.



Phụ lục

**BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
(Quý I năm 2023)

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 631./BC-STP ngày 17 / 3/ 2023 của Sở Tư pháp)

**Biểu mẫu 1**

**Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (số, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	6		
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	28.6		
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	21		
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	6		
3.	<b>Kiểm tra CCHC</b>				
3.1.	Số sở, ban, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0		
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị			
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0		
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0		
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0		
4.	<b>Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)</b>				
4.1.	Số cơ quan, đơn vị, địa phương được thanh tra	%	0		
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, địa phương đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	0		

<b>5.</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao</b>				
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	0		
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	0		
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0		
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0		
<b>6.</b>	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	Có = 1 Không = 0			
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0		
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0		
<b>7.</b>	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	Không = 0 Có = 1			

**Phụ lục**  
**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**(Quý I năm 2023)**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 631/BC-STP ngày 17 / 3 / 2023 của Sở Tư pháp)

**Biểu mẫu 2**  
**Cải cách thể chế**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (số, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
<b>1.</b>	<b>Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành</b>	Văn bản			
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản		14	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản			
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản			
<b>2.</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>				
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	0	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	0	
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	0	
<b>3.</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>				
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	0	13	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	100	
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	13	
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	13	

**Phụ lục**  
**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**(Quý I năm 2023)**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số. 631/BC-STP ngày...17./ 3/ 2023 của Sở Tư pháp)

**Biểu mẫu 3**

**Cải cách thủ tục hành chính**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (số, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
<b>1.</b>	<b>Thống kê TTHC</b>				
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	111		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	0		
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	0		
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	0		
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	0		
<b>2.</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>				
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục			
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục			
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục			
<b>3.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>				
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ban, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99.05		
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	4,016		

3.1.2.	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	3,978		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND các huyện, thành phố tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%			
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ			
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ			
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%			
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ			
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ			
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0		
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN			
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN			

**Phụ lục**  
**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**(Quý I năm 2023)**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 63/BC-STP ngày 17/3/2023 của Sở Tư pháp)

**Biểu mẫu 4**  
**Cải cách tổ chức bộ máy**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
<b>1.</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>				
1.1.	Tỷ lệ sở, ban, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	0		
1.2.	Tỷ lệ UBND các huyện, thành phố đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%			
1.3.	Số ban quản lý trực thuộc UBND tỉnh	Ban			
1.4.	Số lượng tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức			
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị			
1.5.1	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị			
1.5.2	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	0		
1.5.3	Số ĐVSNCL thuộc UBND các huyện, thành phố	Cơ quan, đơn vị			
1.5.4	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%			
<b>2.</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>				
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	39		
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	37		

2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, tổ chức hành chính	Người	3		
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0		
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10%		
<b>3.</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>				
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	21		
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	16		
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	0		

**Phụ lục**  
**BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**(Quý I năm 2023)**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số 631/BC-STP ngày 1.7./ 3/ 2023 của Sở Tư pháp)*

**Biểu mẫu 5**

**Cải cách chế độ công vụ**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu <i>(số, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)</i>	Số liệu <i>(cấp tỉnh)</i>	
<b>1.</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>				
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1		
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	2		
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0		
<b>2.</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>				
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0		
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0		
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0		
<b>3.</b>	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)</b>	Người	0		
<b>4.</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).</b>				
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0		

4.2.	Số lãnh đạo sở, ban, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0		
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ban, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0		
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các ĐVSNCL bị kỷ luật.	Người	0		

**Phụ lục**  
**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**(Quý I năm 2023)**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số. 631/BC-STP ngày... 7./ 3 / 2023 của Sở Tư pháp)

**Biểu mẫu 6**  
**Cải cách tài chính công**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (số, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%			
1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng			
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng			
2.	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>				
2.1.	Tổng số ĐVSNCLL trên địa bàn tỉnh	Đơn vị	0		
2.2	Số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0		
2.3.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	1		
2.4.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0		
2.4.1.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0		
2.4.2.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0		
2.4.3.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0		
2.5.	Số ĐVSNCL do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	1		
2.6.	Số ĐVSNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0		

Phụ lục

**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
(Quý I năm 2023)**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 63/BC-STP ngày 17/3/2023 của Sở Tư pháp)

**Biểu mẫu 7**

**Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (số, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1			
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2			
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%			
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2			
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử				
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã				
5.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100		
5.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%			
5.1.3.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%			

5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử trên địa bàn tỉnh ( <i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i> ).	%			
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành tỉnh	%	100		
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND các huyện, thành phố	%			
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%			
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh				
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ban, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100		
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%			
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%			
<b>6.</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>				
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100		
6.1.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	89		
6.1.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	89		
6.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	6		
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100		
6.2.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	22		
6.2.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	22		
6.2.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	1		
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên cổng DVC quốc gia	%	100		

6.3.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 trên địa bàn tỉnh	Thủ tục	111		
6.3.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	111		
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 ( <i>chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ</i> )	%	100		
6.4.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	4.221		
6.4.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	69		
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100		
6.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	0		
6.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục	111		